

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Lịch sử Việt Nam hiện đại 1

(Contemporary Vietnamese History- Part 1)

- Mã số học phần: SP504

- Số tín chỉ học phần : 3 tín chỉ.

- Số tiết học phần : 45 tiết lý thuyết và 90 tiết ự học.

2. Đơn vị phụ trách học phần:

- Bộ môn : Sư phạm Lịch sử.

- Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn: Khoa Sư phạm.

3. Điều kiện tiên quyết: SP503

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Kiến thức:

4.1.1. Nắm được kiến thức cơ bản của lịch sử Việt Nam trong giai đoạn 1945-1954. Hiểu sâu sắc hoàn cảnh nước ta sau Cách mạng tháng Tám và những chính sách của Đảng để vượt qua những khó khăn thử thách, những chiến thắng lịch sử và sự trưởng thành của lực lượng cách mạng qua từng thắng lợi, nắm được các chính sách ngoại giao và quá trình đàm phán để giành thắng lợi kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp.

4.1.2. Biết vận dụng kiến thức đã học để giảng dạy các phần lịch sử Việt Nam hiện đại chương trình sách giáo khoa lớp 12 ở nhà trường phổ thông.

4.2. Kỹ năng:

Thông qua những hoạt động học tập trong học phần, sinh viên sẽ có thể:

4.2.1. Phát triển khả năng tìm tòi nghiên cứu lịch sử, thao tác tư duy độc lập, sáng tạo trong việc học tập, nghiên cứu và giảng dạy lịch sử ở nhà trường trung học phổ thông.

4.2.2. Phát triển tư duy phê phán, năng lực phân tích, tổng hợp một vấn đề lịch sử quan trọng của dân tộc trong giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954.

4.2.3. Có khả năng kết hợp tốt hoạt động dạy học lịch sử, hoạt động giáo dục và công tác ngoại khóa tại các di tích lịch sử, di sản văn hóa của dân tộc.

4.3. Thái độ:

Thông qua những hoạt động học tập trong học phần, sinh viên sẽ:

4.3.1. Có ý thức trong việc phát triển khả năng hợp tác trong làm việc tập thể.

4.3.2. Yêu nghề, tận tụy với sự nghiệp giáo dục, có ý thức sâu sắc về truyền thống yêu nước chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, góp phần bảo vệ và phát huy những truyền thống tốt đẹp đó..

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Tình hình nước ta sau cách mạng tháng Tám, những chính sách ngoại giao của Đảng để vượt qua những khó khăn, thử

thách; Các chiến dịch lớn như chiến dịch Việt Bắc 1947, Chiến dịch biên giới 1950, Chiến cuộc đông xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ, các vấn đề đấu tranh trên mặt trận ngoại giao, các vấn đề phát triển kinh tế...

6. Cấu trúc nội dung học phần:

| | Nội dung | Số tiết | Mục tiêu |
|------------------|---|---------|--|
| Chương 1. | Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám (9/1945 đến 19/12/1946). | | 4.1.1,4.1.2,4.2.2, 4.3.2, 4.2.3 |
| 1.1. | Những thuận lợi và khó khăn của nước ta sau Cách mạng tháng Tám. | | |
| 1.2. | Những sách lược của Đảng nhằm giải quyết những khó khăn thử thách. | | |
| Chương 2. | Từ kháng chiến toàn quốc bùng nổ đến chiến thắng Việt Bắc - Thu Đông 1947. | | 4.1.1,4.1.2,4.2.2, 4.3.2, 4.2.3 |
| 2.1. | Những ngày đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc. | | |
| 2.2. | Thực dân Pháp mở rộng chiến tranh ra cả nước, chiến thắng Việt Bắc – Thu Đông 1947. | | |
| Chương 3. | Tích cực xây dựng lực lượng về mọi mặt, tiến lên giành quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính (1948 –1950). | | 4.1.1,4.1.2,4.2.2, 4.3.2, 4.2.3 |
| 3.1. | Địch đang từ chiến lược: “đánh nhanh giải quyết nhanh: buộc phải chuyển sang chiến lược đánh lâu dài với ta. | | |
| 3.2. | Kế hoạch Revers và sự phá sản của nó. | | |
| 3.3. | Chiến thắng biên giới Thu Đông 1950. | | 4.1.1,4.1.2,4.2.2, 4.3.2, 4.2.3 |
| Chương 4. | Tiếp tục phát huy quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính, tăng cường xây dựng lực lượng về mọi mặt (1951-1953). | | |
| 4.1. | Tình hình chiến trường Đông Dương sau chiến thắng biên giới. | | + 4.2.1 |
| 4.2. | Các sự kiện chính trị quan trọng năm 1951. | | |
| 4.3. | Tiếp tục phát huy quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính. | | +4.2.3 |
| 4.4. | Tăng cường xây dựng kinh tế, văn hoá, bồi dưỡng sức dân. | | |
| Chương 5. | Chiến cuộc Đông Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên phủ | | 4.1.1,4.1.2,4.2.2, 4.3.2, 4.2.3 |
| 5.1. | Kế hoạch của Navarre. | | |
| 5.2. | Kế hoạch Navarre bước đầu bị phá sản. | | |

| | | | |
|------------------|---|--|--|
| 5.3. | Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ. | | |
| Chương 6. | Hội nghị Geneve về việc lập lại hoà bình ở Đông Dương. | | 4.1.1,4.1.2,4.2.2, 4.3.2, 4.2.3 |
| 6.1. | Hoàn cảnh lịch sử. | | |
| 6.2. | Quá trình đàm phán tại hội nghị Geneve. | | |
| 6.3. | Nội dung cơ bản của Hiệp định Geneve | | |

7. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết giảng kết hợp trao đổi, thảo luận, thuyết trình.

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập cá nhân.
(Đánh giá quá trình học tập học phần)
- Tham dự kiểm tra giữa học phần
- Tham dự thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

9.1. Cách đánh giá:

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

| TT | Điểm thành phần | Quy định | Trọng số | Mục tiêu |
|----|--|--|----------|-----------------------------------|
| 1 | Điểm đánh giá quá trình học tập học phần | -Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết. -Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập cá nhân | 20% | 4.1.1, 4.1.2, 4.2.1, 4.2.2, 4.3.2 |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | -Thi viết (60 phút). | 30% | 4.1.1, 4.1.2, 4.2.1, 4.2.2, 4.3.2 |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | -Thi trắc nghiệm khách quan (60 phút) | 50% | 4.1.1, 4.1.2, 4.2.1, 4.2.2, 4.3.2 |

9.2. Cách tính điểm:

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng.
- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

10. Tài liệu học tập:

| Thông tin về tài liệu | Số đăng ký cá biệt |
|---|--------------------|
| [1] Nguyễn Minh Đức, <i>Hồ Chí Minh với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)</i> , NXB ĐHSP Hà Nội, 2004. | MOL000984 |

| | |
|---|------------|
| [2] Võ Nguyên Giáp, <i>Điện Biên Phủ điểm hẹn Lịch sử</i> , NXB QĐND, 2001. | MON.001404 |
| [3] Nguyễn Duy Niên, <i>Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh</i> , NXB Chính trị quốc gia, 2008. | MOL.051063 |
| [4] Trần Thục Nga (Chủ biên), <i>Lịch sử Việt Nam 1945 –1975</i> , Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1987. | MOL.027875 |
| [5] Văn Tạo, <i>Cách mạng tháng Tám-Một số vấn đề lịch sử</i> , NXB KHXH, 1995. | SP.001527 |

11. Hướng dẫn sinh viên tự học:

| Tuần | Nội dung | Lý thuyết (45 tiết) | Nhiệm vụ của sinh viên |
|---------|---|---------------------|---|
| 1, 2, 3 | Chương 1. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám (9/1945 đến 19/12/1946). 1.1. Những thuận lợi và khó khăn của nước ta sau Cách mạng tháng Tám. 1.2. Những sách lược của Đảng nhằm giải quyết những khó khăn thử thách. | 9 | Đọc trước [1], [2], [4], [5]. Bài tập nhóm: Phân tích và đánh giá những sách lược của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm giải quyết những khó khăn thử thách của nước ta sau cách mạng tháng Tám. |
| 4, 5 | Chương 2. Từ kháng chiến toàn quốc bùng nổ đến chiến thắng Việt Bắc - Thu Đông 1947. 2.1. Những ngày đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc 2.2. Thực dân Pháp mở rộng chiến tranh ra cả nước, chiến thắng Việt Bắc – Thu Đông 1947. | 6 | Đọc trước [1], [2], [5]. <u>Bài tập nhận thức:</u> So sánh lực lượng của ta và Pháp trong chiến dịch Việt Bắc, đánh giá vai trò của chiến thắng Việt Bắc đối với cuộc kháng chiến chống Pháp. |
| 6, 7 | Chương 3: Tích cực xây dựng lực lượng về mọi mặt, tiến lên giành quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính (1948 –1950). 3.1. Dịch đang từ chiến lược: “đánh nhanh giải quyết nhanh: buộc phải chuyển sang chiến lược đánh lâu dài với ta. 3.2. Kế hoạch Revers và sự phá sản của nó. 3.3. Chiến thắng biên giới Thu Đông 1950. | 6 | Đọc trước [1], [2], [5]. <u>Thuyết trình:</u> -Tại sao Phải chuyển chuyển từ đánh nhanh thắng nhanh sang đánh lâu dài. -Phân tích âm mưu và thủ đoạn của Pháp trong kế hoạch Revers. |
| 8, 9 | Chương 4. Tiếp tục phát huy quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính, tăng cường xây dựng lực lượng về mọi mặt | 6 | Đọc trước [1], [2], [5]. <u>Bài tập nhận thức:</u> -Phân tích tình hình chiến trường Đông |

| | | | |
|------------|---|---|---|
| | <p>(1951-1953).</p> <p>4.1. Tình hình chiến trường Đông Dương sau chiến thắng biên giới.</p> <p>4.2. Các sự kiện chính trị quan trọng năm 1951.</p> <p>4.3. Tiếp tục phát huy quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính.</p> <p>4.4. Tăng cường xây dựng kinh tế, văn hoá, bồi dưỡng sức dân.</p> | | <p>Dương sau chiến dịch Biên giới 1950.</p> <p>-Phân tích những chính sách kinh tế, văn hóa trong những năm 1951-1953.</p> |
| 10, 11, 12 | <p>Chương 5. Chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên phủ</p> <p>5.1. Kế hoạch của Navarre.</p> <p>5.2. Kế hoạch Navarre bước đầu bị phá sản.</p> <p>5.3. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ.</p> | 9 | <p>Đọc trước [1], [2], [4], [5].</p> <p>Bài tập nhóm:</p> <p>-Đánh giá kế hoạch Navarre dưới góc nhìn của người Pháp và người Mĩ.</p> <p>-Thuyết trình về diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ qua bản đồ, sa bàn.</p> |
| 13, 14, 15 | <p>Chương 6. Hội nghị Geneve về việc lập lại hoà bình ở Đông Dương.</p> <p>6.1. Hoàn cảnh lịch sử.</p> <p>6.2. Quá trình đàm phán tại hội nghị Geneve.</p> <p>6.3. Nội dung cơ bản của Hiệp định Geneve</p> | | <p>Đọc trước [1], [2], [4], [5].</p> <p>Bài tập nhóm:</p> <p>-Phân tích những điểm yếu và điểm mạnh của các bên tham gia đàm phán tại hội nghị Geneve.</p> <p>-Đánh giá ý nghĩa của Hiệp định Geneve đối với cuộc kháng chiến chống Pháp.</p> |

Cần Thơ, ngày 25 tháng 04 năm 2014

TL. HIỆU TRƯỞNG
P. TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Văn Nở

TRƯỞNG BỘ MÔN



Lê Thị Minh Thu